

Quá trình chung sống ông bà có 01 con chung là anh Nguyễn Hoàng AB – Sinh năm 1991.

Về tài sản chung: Bà không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông B không vay ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Quá trình chung sống với nhau, ông B không chịu tu trí làm ăn, ham mê chơi bời, đánh đập hành hạ dẫn đến kinh tế gia đình nhiều khó khăn. Đến tháng 09/2009 do ông B đánh đập và đuổi bà khỏi nhà, bà đã về bên ngoại sống và đã sống ly thân từ đó đến nay.

Nay bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông B.

Về con chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vì anh Nguyễn Hoàng AB đã trưởng thành và lập gia đình.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình điều tra bị đơn ông Nguyễn Văn B khai: Ông bị bà Hoàng Thị A khởi kiện xin ly hôn ông. Ông và bà A lấy nhau năm 1990 hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Quá trình chung sống ông bà có 01 con chung là anh Nguyễn Hoàng AB – Sinh năm 1991.

Về tài sản chung: Ông không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà A không vay ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân bà A xin ly hôn: Do vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn bà A đã bỏ nhà đi và sống ly thân được hơn 11 năm nay.

Nay bà A xin ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vì anh Nguyễn Hoàng AB đã trưởng thành và lập gia đình.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên căn cứ vào Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật; đối với các đương sự nguyên đơn chấp Bnh đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị A, yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân đối với ông Nguyễn Văn B.

-Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hoàng Thị A và ông Nguyễn Văn B.

-Về con chung: Anh Nguyễn Hoàng AB – Sinh năm 1991 đã trưởng thành và đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung và khoản cho vay chung của vợ chồng: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

-Về án phí: Bà A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình, khi thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết là ly hôn, tuy nhiên sau khi nghe các bên cung cấp chứng cứ và Tòa án xác minh xác định bà A và ông B không có đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hoàng Thị A và ông Nguyễn Văn B.

[2] Về tư cách chủ thể: Bà Hoàng Thị A khởi kiện ông Nguyễn Văn B nên bà Hoàng Thị A là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn B là bị đơn trong vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà A: Cuộc hôn nhân giữa bà A và ông B là hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên không hợp pháp. Bởi lẽ, căn cứ kết quả Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai tiến hành xác minh tại UBND xã PT, huyện V, tỉnh Thái Nguyên xác định ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị A trước khi kết hôn là công dân xã PT, huyện Võ Nhai không có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT. Về nguyên nhân phát sinh tranh chấp hôn nhân gia đình, xác minh tại địa phương **xác định quá trình chung sống ông B và bà A có phát sinh mâu thuẫn, bà A và ông B đã sống ly thân được 11 năm nay. Xét** cuộc hôn nhân giữa bà A và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Xác định thời điểm bà A và ông B được tổ chức cưới hỏi và chung sống với nhau từ năm 1990 và đã có 01 con chung. Thời điểm năm 1990 áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, do vậy bà A và ông B lấy nhau không được UBND xã PT công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định đã vi phạm quy định tại Điều 8 của Luật này. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội V/v thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, ông B, bà A không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo hạn định. Sau ngày 01/01/2003 cho đến nay, ông B, bà A cũng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Từ những nhận định này, căn cứ Điều 9; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hoàng Thị A và ông Nguyễn Văn B.

[4] Về con chung: Ông B và bà A có 01 con chung là Nguyễn Hoàng AB – Sinh năm 1991 đã trưởng thành và đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Hoàng Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định.

[7] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; 228; 238 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; 14 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1, Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hoàng Thị A và ông Nguyễn Văn B.

2, Về con chung: Ông B và bà A có 01 con chung là Nguyễn Hoàng AB – Sinh năm 1991 đã trưởng thành và đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3, Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4, Về án phí: Bà Hoàng Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0007754 ngày 26 tháng 10 năm 2020.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- UBND xã PT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Kim Tuấn